

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 2461/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 20 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về phê duyệt đề cương và dự toán xây dựng Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp
nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020;

Căn cứ Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của UBND tỉnh Kiên Giang về triển khai thi hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 129/TTr-SKHĐT ngày 21 tháng 8 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương và dự toán xây dựng Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 với các nội dung chủ yếu như sau (kèm theo Đề cương và phụ lục dự toán kinh phí xây dựng Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025):



1. Tên đề án: Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 (Đề án);

2. Mục tiêu của Đề án

a) Đề ra định hướng phát triển bền vững cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đến năm 2025;

b) Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;

c) Thúc đẩy phong trào khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, phát triển mạnh mẽ dựa vào tiềm năng và lợi thế của tỉnh, đẩy nhanh tốc độ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;

d) Tạo lập môi trường đầu tư và kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, bình đẳng, minh bạch và ổn định để các doanh nghiệp hoạt động và phát triển.

3. Phạm vi thực hiện

Đối tượng nghiên cứu doanh nghiệp nhỏ và vừa đang hoạt động trên địa bàn tỉnh và cơ quan, đơn vị có liên quan.

4. Nội dung thực hiện

a) Về khung chính sách, đối tượng, nội dung của Đề án: Phù hợp với Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản hướng dẫn thi hành, các quy định của Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ, các chủ trương, chính sách của tỉnh Kiên Giang về phát triển doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp.

b) Về huy động và phân bổ các nguồn lực thực hiện Đề án: Phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp trong từng giai đoạn; ưu tiên hỗ trợ phát triển các ngành, lĩnh vực trọng yếu, là tiềm năng và lợi thế của tỉnh gắn với phát triển tài nguyên bản địa dựa vào sức mạnh công nghệ. Huy động nguồn lực xã hội tham gia hỗ trợ, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;

c) Về tổ chức thực hiện Đề án và phân công nhiệm vụ thực hiện Đề án và theo dõi giám sát đánh giá thực hiện, khen thưởng xử lý: Phân công nhiệm vụ cụ thể và thống nhất giữa các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện; tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Giao nhiệm vụ đi đôi với cam kết tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao và cơ chế khen thưởng và xử lý cán bộ, công chức và người đứng đầu cơ quan, đơn vị được phân công làm công tác hỗ trợ doanh nghiệp thuộc lĩnh vực phụ trách.

5. Sản phẩm

a) Các dữ liệu các đề xuất nhiệm vụ, ý tưởng hoặc cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 do các tổ chức, đơn vị đề xuất ý tưởng hoặc đề xuất cơ chế chính sách.

b) Các dữ liệu đánh giá, chấm điểm lựa chọn các đề xuất ý tưởng hoặc đề xuất cơ chế chính sách phù hợp được chọn vào Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp và phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025.

c) Báo cáo hiện trạng phát triển doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa Kiên Giang.

d) Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 hoàn chỉnh và trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

6. Kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện

a) Kinh phí: 466.995.000 đồng (bốn trăm, sáu mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

b) Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh

7. Thời gian thực hiện: 07 tháng kể từ khi đề cương và dự toán Đề án được phê duyệt.

8. Tổ chức thực hiện

a) Cơ quan phê duyệt Đề án: Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân và các phòng ban chuyên môn của các huyện, thành phố, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

9. Phương thức tổ chức thực hiện: Theo các quy định của pháp luật

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện các bước theo nội dung tại Điều 1 Quyết định này và đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc; Chủ tịch Ủy

ban nhân dân các huyện, thành phố và Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của QĐ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P KTTH;
- Lưu: VT, nknguyen (05b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Minh Phụng



ĐỀ CƯƠNG

**Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
đến năm 2025**

*(Kèm theo Quyết định số 2161 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trong thời gian qua, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đặc biệt quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc phát triển doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV); nhiều hoạt động hỗ trợ DNNVV đã được triển khai trên địa bàn tỉnh như: Tăng cường công tác cải cách hành chính, hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến thương mại, liên kết sản xuất, khởi nghiệp, chuyển đổi hộ kinh doanh lên doanh nghiệp,... góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi hơn cho doanh nghiệp phát triển.

Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh chưa có một cơ chế chính sách cụ thể hỗ trợ đối tượng DNNVV, khu vực doanh nghiệp này hiện còn nhiều hạn chế trong năng lực kết nối thị trường, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm; yếu trong năng lực quản lý, quản trị doanh nghiệp, kiến thức pháp lý do đó hiệu quả kinh doanh chưa cao, phương án sản xuất kinh doanh chưa được chú trọng nâng cao năng lực cạnh tranh; yếu về nguồn lực và tiếp cận nguồn vốn; hạn chế trong nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ; thiếu thông tin hội nhập, thụ động về các nguyên tắc, cam kết quốc tế trong lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư đặc biệt là các cam kết song phương, đa phương chưa được hỗ trợ để khắc phục.

Bên cạnh đó, nhằm thực hiện tốt Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Luật Hỗ trợ DNNVV được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 12/6/2017, trong đó quy định khung nội dung hỗ trợ tập trung vào DNNVV và doanh nghiệp được chuyển đổi thành lập từ hộ kinh doanh.

Do vậy, yêu cầu đặt ra đối với khu vực DNNVV của tỉnh trong thời gian tới cần thiết phải xây dựng một chính sách cụ thể để hỗ trợ doanh nghiệp, đồng



thời nâng cao năng lực cạnh tranh từng bước phát triển bền vững qua đó đóng góp chung vào phát triển kinh tế của tỉnh. Đề án được xây dựng trên cơ sở đánh giá thực trạng phát triển của các DNNVV, qua đó đánh giá những tồn tại, hạn chế, nhu cầu của các doanh nghiệp để làm cơ sở đề xuất chính sách phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương, làm cơ sở tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ.

Chính vì vậy, việc xây dựng Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 nhằm rà soát, khắc phục những hạn chế, bất cập, hỗ trợ phát triển nhanh và bền vững các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là hết sức cần thiết.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017.
- Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.
- Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.
- Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của UBND tỉnh Kiên Giang triển khai thi hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.
- Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Kiên Giang thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Kiên Giang chuyển đổi hộ kinh doanh sang hoạt động theo loại hình doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

III. MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

1. Mục tiêu của Đề án

Đề án tập trung đánh giá thực trạng phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2015-2019; phân tích vai trò, các yếu tố tác động đến sự phát triển các doanh nghiệp DNNVV trên địa bàn tỉnh.

Đề ra định hướng phát triển bền vững cho DNNVV đến năm 2025; đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm thực hiện định hướng của Đề án.

Xác định rõ trách nhiệm và vai trò của các cơ quan chức năng, các tổ chức chính trị xã hội trong việc hỗ trợ phát triển DNNVV.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách, các thủ tục hành chính, tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích các cá nhân, tổ chức thành lập doanh nghiệp, thúc đẩy phong trào khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, đẩy nhanh tốc độ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Nâng cao năng lực quản trị, năng lực tiếp cận thị trường và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đặc biệt là DNNVV trên địa bàn tỉnh. Đảm bảo các doanh nghiệp phát triển bền vững.

Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ từ Trung ương, từ các tổ chức quốc tế cho phát triển doanh nghiệp.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu của đề tài: Doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2.2. Phạm vi nghiên cứu:

a) *Về khung chính sách, đối tượng, nội dung của Đề án:* Phù hợp với Luật Hỗ trợ DNNVV và các văn bản hướng dẫn thi hành, các quy định của Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ, các chủ trương, chính sách của tỉnh Kiên Giang về phát triển doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp.

b) *Về huy động và phân bổ các nguồn lực thực hiện Đề án:* Phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp trong từng giai đoạn; ưu tiên hỗ trợ phát triển các ngành, lĩnh vực trọng yếu, là tiềm năng và lợi thế của tỉnh gắn với phát triển tài nguyên

bản địa dựa vào sức mạnh công nghệ. Huy động nguồn lực xã hội tham gia hỗ trợ, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) *Về tổ chức thực hiện Đề án và phân công nhiệm vụ thực hiện Đề án và theo dõi giám sát đánh giá thực hiện, khen thưởng xử lý:* Phân công nhiệm vụ cụ thể và thống nhất giữa các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện; tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Giao nhiệm vụ đi đôi với cam kết tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao và cơ chế khen thưởng và xử lý cán bộ, công chức và người đứng đầu cơ quan, đơn vị được phân công làm công tác hỗ trợ doanh nghiệp thuộc lĩnh vực phụ trách.

3. Phương pháp nghiên cứu

a) Điều tra, khảo sát tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

b) Ngoài ra, để thu thập thông tin tương đối đầy đủ và khách quan về các vấn đề quan trọng liên quan, nhiều kỹ thuật thu thập, phân tích và tổng hợp số liệu khác nhau đã được áp dụng và dựa trên nền tảng thu hút sự tham gia rộng rãi của các đối tượng liên quan. Đánh giá đã căn cứ trên quan điểm, chủ trương đường lối lãnh đạo của Đảng, cơ chế, chính sách, quy định của nhà nước, định hướng chiến lược phát triển kinh tế của tỉnh, năng lực quản lý và điều hành của các cơ quan chủ trì thực hiện, nhu cầu và mức độ thỏa mãn của các đối tượng hưởng lợi là các DNNVV.

c) Đề án đồng thời sử dụng các phương pháp thống kê, phân tích, tổng hợp, so sánh.

IV. KẾT CẤU CỦA ĐỀ ÁN

- Phần mở đầu:

- Phần thứ nhất: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN VÀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH KIÊN GIANG GIAI ĐOẠN 2015-2019

- Phần thứ hai: QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG, GIẢI PHÁP HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA ĐẾN NĂM 2025

- Phần thứ ba: TỔ CHỨC, THỰC HIỆN

- Phần thứ tư: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN LẬP ĐỀ ÁN

1. Các cơ quan tham gia

- Chủ đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư Kiên Giang.

- Cơ quan thẩm định: Theo quy định hiện hành.
- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Kiên Giang.
- Tư vấn: Lựa chọn theo quy định của pháp luật.

2. Tiến độ thực hiện

Đề án được thực hiện trong vòng 07 tháng kể từ khi đề cương được phê duyệt.

3. Hồ sơ sản phẩm

01 dữ liệu các đề xuất nhiệm vụ, ý tưởng hoặc cơ chế, chính sách hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến 2025 do các tổ chức, đơn vị đề xuất ý tưởng hoặc đề xuất cơ chế chính sách được nộp về Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang.

01 dữ liệu đánh giá, chấm điểm lựa chọn các đề xuất ý tưởng hoặc đề xuất cơ chế chính sách phù hợp được chọn vào Đề án Hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến 2025.

01 báo cáo hiện trạng phát triển doanh nghiệp và hỗ trợ DNNVV Kiên Giang.

01 Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025.

VI. NỘI DUNG CHỦ YẾU TRONG TỪNG PHẦN CỦA KẾT CẤU CỦA ĐỀ ÁN

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN VÀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH KIÊN GIANG GIAI ĐOẠN 2015-2019

I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA GIAI ĐOẠN 2015 - 2019

1. Tình hình phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

- Đánh giá về quy mô, số lượng doanh nghiệp theo lao động và vốn.
- Về tốc độ tăng trưởng.
- Về ngành nghề kinh doanh.
- Về loại hình vốn đầu tư.
- Về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.



- Về đóng góp vào ngân sách nhà nước.

2. Tổng quan kết quả khảo sát đánh giá các doanh nghiệp

3. Đánh giá khái quát chung phát triển DNNVV

- Những kết quả đạt được.
- Những khó khăn, hạn chế.
- Nguyên nhân.

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DNNVV GIAI ĐOẠN 2015 – 2019

1. Thực trạng triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển DNNVV tại Kiên Giang:

- Chính sách hỗ trợ tiếp cận vốn tín dụng.
- Chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp.
- Chính sách hỗ trợ ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ.
- Chính sách hỗ trợ mặt bằng sản xuất (*tình hình đầu tư khu, cụm công nghiệp cho doanh nghiệp; tình hình rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất cho doanh nghiệp thuê*).
- Hỗ trợ về thuế, kế toán.
- Chính sách xúc tiến mở rộng thị trường, khuyến khích tham gia cung ứng sản phẩm dịch vụ.
- Chính sách hỗ trợ pháp lý.
- Các chính sách khác.

2. Nhận biết của các doanh nghiệp được khảo sát về các chính sách hỗ trợ DNNVV của nhà nước

3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG, GIẢI PHÁP HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP ĐẾN NĂM 2025

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ

1. Quan điểm

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Số lượng DNNVV thành lập mới tăng bình quân hàng năm.
- Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước bố trí để hỗ trợ phát triển DNNVV hàng năm (Quỹ Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa).
- Tỷ lệ hướng dẫn DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh.
- Thực hiện các mô hình khởi nghiệp sáng tạo, mô hình chuỗi giá trị liên kết.
- Tỷ lệ giải quyết các kiến nghị về vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp của cơ quan quản lý nhà nước.
- Tỷ lệ hướng dẫn, hỗ trợ để doanh nghiệp đủ điều kiện được thụ hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Chính phủ và của tỉnh ban hành.
- Phấn đấu trung bình mỗi năm thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực là thế mạnh của địa phương (ví dụ: Nông nghiệp công nghệ cao, du lịch...).

3. Phạm vi, thời gian hỗ trợ

Phạm vi: Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập và hoạt động trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Thời gian thực hiện: Thực hiện giai đoạn 2020 – 2025.

4. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ

4.1. Đối tượng.

4.2. Điều kiện hỗ trợ.

5. Nguyên tắc hỗ trợ

II. NỘI DUNG HỖ TRỢ

1. Các nội dung hỗ trợ chung

2. Các nội dung hỗ trợ chung DNNVV

- a) Ưu đãi đầu tư, cơ chế chính sách hỗ trợ đầu tư.
- b) Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận tín dụng, sử dụng vốn hiệu quả.
- c) Hỗ trợ thuế, kế toán.
- d) Hỗ trợ mặt bằng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh cho DNNVV.

đ) Hỗ trợ đổi mới thiết bị công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và chuyển giao công nghệ.

e) Hỗ trợ mở rộng thị trường.

g) Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý.

h) Hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị; hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực.

i) Hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh.

k) Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

l) Hỗ trợ tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

m) Hỗ trợ khác.

3. Các nội dung hỗ trợ theo cơ chế, chính sách riêng của Kiên Giang

- Giai đoạn 2019 – 2020.

- Giai đoạn 2020 – 2025.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng hợp kinh phí thực hiện

- Kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ DNNVV thường xuyên hàng năm.

- Kinh phí hỗ trợ DNNVV thành lập mới, DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh trong từng giai đoạn (nếu có phân kỳ).

2. Nguồn kinh phí

- Ngân sách tỉnh.

- Ngân sách Trung ương.

- Nguồn huy động, vốn vay, vốn đầu tư từ các quỹ tài chính và nhà đầu tư.

Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Phần thứ tư KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ



Phụ lục

**DỰ TOÁN KINH PHÍ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG ĐẾN NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 2161 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A) Căn cứ pháp lý tính kinh phí

- Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước
- Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước
- Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với cơ quan nhà nước sự nghiệp công lập; Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh Kiên Giang quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.
- Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia; Nghị quyết số 163/2018/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2018 của HĐND tỉnh Kiên Giang quy định nội dung, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

B) Dự toán chi tiết

Đơn vị tính: *Ngàn đồng.*

ST T	Nội dung thành phần	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Đơn vị đề xuất	Số phê duyet	Ghi chú
I	Chi phí lập Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025						
1	Nghiên cứu tại bàn và thu thập các tài liệu liên quan				33.800	33.800	
1.1.	Công chuyên gia						
a)	Chuyên gia kinh tế - Trưởng nhóm	Ngày công	9	1.800	16.200	16.200	
b)	Chuyên gia phát triển doanh nghiệp - Thành viên	Ngày công	8	1.300	10.400	10.400	
c)	Chuyên gia tư vấn quản lý	Ngày công	8	900	7.200	7.200	
2.	Thiết kế bộ phiếu hỏi cho các nhóm đối tượng phỏng vấn khác nhau				5.200	5.200	
	Công thiết kế 03 phiếu hỏi (trên 40 chỉ tiêu) - Chuyên gia phát triển doanh nghiệp	Ngày công	4	1.300	5.200	5.200	
3.	Lập danh sách các đơn vị khảo sát, danh sách DNNVV sẽ được xác định bởi nhóm chuyên gia và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang.				8.100	8.100	
a)	Chuyên gia phát triển doanh nghiệp	Ngày công	3	1.800	5.400	5.400	
b)	Chuyên gia tư vấn quản lý	Ngày công	3	900	2.700	2.700	



ST T	Nội dung thành phần	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Đơn vị đề xuất	Số phê duyet	Ghi chú
4.	Tổ chức tập huấn cho điều tra viên tại Hà Nội				4.000	4.000	
	Công chuyên gia						
a)	Chuyên gia kinh tế - Trưởng nhóm	Ngày công	1	1.800	1.800	1.800	
b)	Chuyên gia phát triển doanh nghiệp - Thành viên	Ngày công	1	1.300	1.300	1.300	
c)	Chuyên gia tư vấn quản lý	Ngày công	1	900	900	900	
5.	Khảo sát thu thập thông tin				135.800	135.800	
5.1.	Công chuyên gia				24.000	24.000	
a)	Chuyên gia kinh tế - trưởng nhóm	Ngày công	6	1.800	10.800	10.800	
b)	Chuyên gia tư vấn quản lý - Điều phối khảo sát	Ngày công	6	900	5.400	5.400	
c)	Chuyên gia về phát triển doanh nghiệp	Ngày công	6	1.300	7.800	7.800	
5.2.	Chi phí đi lại				32.200	32.200	
a)	Vé máy bay khứ hồi từ Hà Nội - Cần Thơ	Vé khứ hồi	3	5.000	15.000	15.000	
b)	Thuê xe từ Cần Thơ - Kiên Giang	chiều	2	2.000	4.000	4.000	
c)	Chi phí lưu trú (3 người * 6 ngày)	ngày	18	450	8.100	8.100	
d)	Hỗ trợ phòng vấn sâu (cán bộ các cơ quan ban ngành liên quan)	Người	15	100	1.500	1.500	
đ)	Chi phí đi lại (3 người * 6 ngày)	ngày người	18	200	3.600	3.600	
5.3	Chi phí khảo sát				79.600	79.600	
a)	Thù lao cho điều tra viên (6 người * 8 ngày)	Ngày công	48	200	9.600	9.600	
b)	Hỗ trợ người cung cấp thông tin (với 40 chỉ tiêu)	Phiếu	300	100	30.000	30.000	
c)	Phụ cấp lưu trú (6 người * 8 ngày)	người	48	200	9.600	9.600	
d)	Hỗ trợ tiền nghỉ cho điều tra viên	ngày	48	450	21.600	21.600	
đ)	Thuê xe đi lại tại thực địa	ngày	8	1.000	8.000	8.000	
e)	Hỗ trợ cho người dẫn đường	ngày người	8	100	800	800	
6.	Thiết kế phần mềm nhập dữ liệu				3.900	3.900	
	Chuyên gia phát triển doanh nghiệp	Ngày công	3	1.300	3.900	3.900	
7.	Xử lý và làm sạch dữ liệu đã thu thập, nhập dữ liệu khảo sát				6.300	6.300	
a)	Nhập dữ liệu	Ngày công	4	900	3.600	3.600	
b)	Làm sạch dữ liệu	Ngày công	3	900	2.700	2.700	
8.	Phân tích dữ liệu thu thập				5.200	5.200	
	Chuyên gia phát triển doanh nghiệp	Ngày công	4	1.300	5.200	5.200	
9.	Báo cáo kết quả khảo sát thông tin				26.100	26.100	

ST T	Nội dung thành phần	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Đơn vị đề xuất	Số phê duyet	Ghi chú
a)	Chuyên gia kinh tế	Ngày công	8	1.800	14.400	14.400	
b)	Chuyên gia phát triển doanh nghiệp	Ngày công	9	1.300	11.700	11.700	
II.	Hỗ trợ kỹ thuật cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang: Tổ chức kêu gọi sáng tạo mở				18.000	18.000	
1	Xây dựng danh mục kêu gọi ý tưởng, đề xuất				7.500	7.500	
a)	Chuyên gia kinh tế	Ngày công	2	1.800	3.600	3.600	
b)	Chuyên gia phát triển doanh nghiệp	Ngày công	3	1.300	3.900	3.900	
2	Xây dựng công cụ hướng dẫn kêu gọi đề xuất				7.900	7.900	
a)	Chuyên gia phát triển doanh nghiệp	Ngày công	4	1.300	5.200	5.200	
b)	Chuyên gia tư vấn quản lý	Ngày công	3	900	2.700	2.700	
3	Xây dựng quy trình hướng dẫn nộp đề xuất				2.600	2.600	
	Chuyên gia phát triển doanh nghiệp	Ngày công	2	1.300	2.600	2.600	
4	Hỗ trợ kỹ thuật tổ chức Hội đồng chấm lựa chọn đề xuất ý tưởng hoặc đề xuất				38.400	38.400	
4.1.	Xây dựng tài liệu, công cụ tổ chức tuyển chọn đề xuất, ý tưởng (quy trình tổ chức, hệ thống tiêu chí lựa chọn)				12.400	12.400	
a)	Chuyên gia kinh tế	Ngày công	3	1.800	5.400	5.400	
b)	Chuyên gia phát triển doanh nghiệp	Ngày công	4	1.300	5.200	5.200	
c)	Chuyên gia tư vấn quản lý	Ngày công	2	900	1.800	1.800	
4.2.	Hướng dẫn tổ chức tuyển chọn đề xuất, ý tưởng tại Kiên Giang				26.000	26.000	
a)	Công chuyên gia hỗ trợ kỹ thuật						
a.1)	Chuyên gia kinh tế	Ngày công	3	1.800	5.400	5.400	
a.2)	Chuyên gia phát triển doanh nghiệp - Thành viên	Ngày công	3	1.300	3.900	3.900	
b)	Chi phí đi lại						
b.1)	Vé máy bay HN-Cần Thơ	khứ hồi	2	5.000	10.000	10.000	
b.2)	Thuê xe từ Cần Thơ - Kiên Giang	chiều	2	2.000	4.000	4.000	
b.3)	Chi phí nơi ở (2 người *3 ngày)	ngày đêm	6	450	2.700	2.700	
III.	Xây dựng và hoàn thiện dự thảo Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 dựa trên các kết quả phân tích từ cuộc khảo sát và kết quả tổ chức kêu gọi sáng tạo mở (Open Innovation)				83.000	83.000	
1	Công chuyên gia						

ST T	Nội dung thành phần	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Đơn vị đề xuất	Số phê duyet	Ghi chú
a)	Chuyên gia kinh tế	Ngày công	22	1.800	39.600	39.600	
b)	Chuyên gia phát triển doanh nghiệp	Ngày công	23	1.300	29.900	29.900	
c)	Chuyên gia tư vấn quản lý	Ngày công	15	900	13.500	13.500	
IV.	Trình bày dự thảo Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025				30.830	30.830	
1	Công chuyên gia						
a)	Chuyên gia kinh tế	Ngày công	1	1.800	1.800	1.800	
b)	Chuyên gia phát triển doanh nghiệp	Ngày công	1	1.300	1.300	1.300	
c)	Chuyên gia tư vấn quản lý	Ngày công	1	900	900	900	
2.	Chi phí hội nghị						
a)	Giải khát giữa giờ (15 người)	Người	15	22	330	330	
b)	Văn phòng phẩm phục vụ hội nghị (15 người)	Người	15	20	300	300	
c)	Thuê hội trường, máy chiếu, khánh tiết	Ngày	1	1.500	1.500	1.500	
d)	Hỗ trợ tiền ăn cho người tham dự (15 người)	Người	15	200	3.000	3.000	
d)	Vé máy bay Hà Nội-Cần Thơ	khứ hồi	3	5.000	15.000	15.000	
e)	Thuê xe từ Cần Thơ - Kiên Giang	chiều	2	2.000	4.000	4.000	
g)	Chi phí nơi ở (3 người * 2 đêm)	ngày đêm	6	450	2.700	2.700	
	TỔNG				398.630	398.630	
V.	Chi phí quản lý hành chính (photo, in ấn, chi phí hoạt động....)				51.822	25.911	
VI.	Thuế giá trị gia tăng (10% VAT)				45.045	42.454	
	TỔNG CỘNG				495.497	466.995	

